

# CHỨC MỪNG NĂM MỚI 2021

Bản tin

## THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 24 NĂM 2020

KỲ 02 THÁNG 12 NĂM 2020

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin  
Công nghiệp và Thương mại

Giấy phép xuất bản:

Số 55/GP-XBBT

Cấp ngày 11/8/2020

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:

Trung tâm Thông tin

Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:

Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,

Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

### MỤC LỤC

- 2 **TỔNG QUAN**
- THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA**
- 3 Thị trường nông, lâm, thủy sản tháng 12/2020
- 5 Tiếp tục nỗ lực nhằm chiếm lĩnh thị trường nông sản nội địa
- THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU**
- 7 Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong năm 2020 tăng 2,8%
- 10 11 tháng năm 2020: Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Mỹ đạt mức cao nhất từ trước đến nay
- 15 Dự báo kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang Nhật Bản tăng trong năm 2021
- THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**
- 18 Bà Rịa - Vũng Tàu xây dựng thương hiệu nông, thủy sản và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất
- 20 Hà Nội tăng cường xúc tiến thương mại với 630 sản phẩm OCOP
- 21 Thừa Thiên – Huế công nhận 17 sản phẩm OCOP
- 21 Xúc tiến quảng bá thương hiệu sản phẩm OCOP Gia Lai
- 22 Doanh nghiệp Nhật Bản cần nhập khẩu cá chuẩn khô
- THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ**
- 23 Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu sẽ được miễn thuế
- 23 Trung Quốc điều chỉnh chính sách thuế của gần 900 mặt hàng nhập khẩu
- 23 Khánh thành nhà máy chế biến thịt gà lớn nhất Đông Nam Á ở Bình Phước
- THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI**
- 24 Giá nhiều mặt hàng nông sản trên thị trường thế giới tăng trong tháng 12/2020
- 25 Nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản có triển vọng xuất khẩu tốt sang thị trường Canada
- 28 **TIN VĂN**

# TỔNG QUAN

**T**rong năm 2020, hoạt động sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh sự bùng phát mạnh mẽ của dịch Covid-19 trên toàn cầu đã ảnh hưởng tiêu cực đến chuỗi cung ứng và hoạt động giao thương hàng hóa cả trong và ngoài nước. Trong khi đó, diễn biến thời tiết bất lợi như mưa đá, xâm nhập mặn, lũ lụt cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất của toàn ngành. Tuy nhiên, nhờ sự quan tâm, hỗ trợ của các cơ quan quản lý, những nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, bà con nông dân trên cả nước cộng với việc triển khai các giải pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả nên tính chung trong cả năm 2020, GDP của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Trong đó, năng suất các loại cây trồng đạt khá, lúa các vụ được mùa, được giá; sản lượng các loại cây lâu năm có mức tăng trưởng khá; chăn nuôi gia cầm phát triển tốt; đàn lợn đang dần khôi phục. Với kết quả này, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục thể hiện vai trò bệ đỡ của nền kinh tế trong lúc khó khăn, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu, là cơ sở

quan trọng để thực hiện an sinh, an dân trong đại dịch.

Trong lĩnh vực xuất khẩu, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong năm 2020 ước đạt 37,14 tỷ USD, tăng nhẹ 2,8% so với năm 2019, chiếm 13,3% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Mặc dù tốc độ tăng trưởng không cao so với những năm gần đây và cũng thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng chung, nhưng xét trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp trên toàn cầu và ảnh hưởng nặng nề đến tất cả các hoạt động thương mại nông, thủy sản giữa các quốc gia thì những kết quả đạt được trong hoạt động xuất khẩu nhóm hàng này được đánh giá tương đối tích cực. Trong đó, gạo cùng với gỗ và sản phẩm gỗ là động lực tăng trưởng của nhóm hàng này với mức tăng trưởng về kim ngạch xuất khẩu lần lượt đạt 9,3% và 15,7% so với năm 2019. Trong năm 2021, dự báo triển vọng xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản sẽ đạt được kết quả khả quan hơn trong bối cảnh tác động của Hiệp định EVFTA trở nên rõ nét hơn cộng với tình hình dịch bệnh được kỳ vọng sẽ được kiểm soát trên toàn cầu.

## MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý:

- ▶ Trong tháng 12/2020, giá các mặt hàng gạo, cà phê, hạt điều tiếp tục xu hướng tăng, trong khi giá thủy sản, hạt tiêu giảm. Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp đang gặp khó khăn chung vì thiếu container rỗng để đóng hàng.
- ▶ Mặc dù kinh tế Mỹ chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 nhưng xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường này trong năm 2020 vẫn đạt kết quả ấn tượng. Riêng trong 11 tháng năm 2020, tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ đạt mức cao nhất trong nhiều năm qua với 9,34 tỷ USD, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2019.
- ▶ Bộ Tài chính Trung Quốc xác nhận sẽ áp dụng mức thuế tạm thời thấp hơn đối với 883 mặt hàng nhập khẩu từ một số nước, trong đó có thiết bị hàng không, gỗ tròn, giấy và các sản phẩm công nghệ thông tin.

# THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

## THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TRONG THÁNG 12/2020



**T**rong tháng 12/2020, giá các mặt hàng gạo, cà phê, hạt điều tiếp tục xu hướng tăng, trong khi giá thủy sản, hạt tiêu giảm. Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp đang gặp khó khăn vì thiếu container rỗng để đóng hàng, giá cước vận chuyển đường biển tăng đột biến.

+ Mặt hàng gạo: Tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, giá lúa gạo tăng từ 300 – 700 đ/kg trong tháng 12/2020. Tại An Giang, tính đến ngày 28/12/2020, giá lúa OM 6976 ở mức 7.000 đ/kg, tăng 300 đ/kg so với cuối tháng 11/2020; IR 504 ở mức 6.950 đ/kg, tăng 400 đ/kg; Đai thơm 8 có giá 7.200 đ/kg, tăng 300 đ/kg; OM 5451 cũng tăng 300 đ/kg lên mức 7.000 đ/kg; lúa Jasmine ở mức 7.000 đ/kg, tăng 300 đ/kg; OM 9577 tăng lên 7.000 đ/kg; OM 9582 đạt 7.000 đ/kg; nếp tươi Long An giá 6.300 – 6.500 đ/kg; nếp tươi An Giang ở mức 5.700 đ/kg.

Tại Đồng Tháp, phần lớn diện tích lúa Thu Đông đã thu hoạch xong. Tình hình tiêu thụ lúa tốt, lúa tươi được thương lái đặt cọc mua trước đó với giá 6.700 - 6.800 đ/kg.

Giá gạo thành phẩm xuất khẩu IR 504 ở mức 11.000 đ/kg, tăng 50 đ/kg. Giá gạo nguyên liệu IR 504 ở mức 9.700 đ/kg, tăng 650 đ/kg; gạo nguyên liệu OM 5451 ở mức 10.000 đ/kg, tăng 700 đ/kg; gạo OM 18 ở mức 10.100 đ/kg, tăng 800 đ/kg. Như vậy, so với đầu năm 2020, giá gạo đã tăng

khoảng 47% - 50%. Thông tin từ thị trường cho thấy nhu cầu mua các loại gạo thơm tăng, các kho và nhà máy đẩy mạnh mua lúa Thu Đông và đặt mua lúa Đông Xuân.

Trên thị trường thế giới, giá chào bán gạo 5% tấm của Việt Nam duy trì ổn định ở mức 495 – 500 USD/tấn, tăng 140 USD/tấn so với đầu năm 2020 và là mức cao nhất kể từ cuối năm 2011.

+ Mặt hàng cà phê: Các địa phương đã thu hoạch được khoảng 60 - 70% vụ cà phê 2020/21, nhưng nông dân phần lớn không vội bán ra vì giá vẫn còn thấp. Trong khi đó, chất lượng hạt cà phê vụ mới được đánh giá khá cao khi diện tích vùng cà phê đặc sản ngày càng mở rộng và công nghệ sau thu hoạch được chú trọng nhiều hơn. Trong phiên giao dịch ngày 28/12/2020, giá cà phê nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên dao động ở mức 34.500 đ/kg, tăng 200 đ/kg (tăng 6,2%) so với cuối tháng 11/2020. Mức giá này cũng tăng 7,5% so với đầu năm 2020.

+ Mặt hàng hạt tiêu: Trong tháng 12/2020, giá hạt tiêu nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên giảm 4.500 đ/kg, xuống còn 54.000 đ/kg. Mặc dù giảm trong tháng 12/2020 nhưng giá hạt tiêu vẫn cao hơn 28,6% (12.000 đ/kg) so với đầu năm nay. Theo Hiệp hội Hạt tiêu Việt Nam (VPA), các yếu tố cung cầu sẽ hỗ trợ giá hạt tiêu trong thời gian tới bởi nguồn cung hạt tiêu thiếu hụt do mùa vụ 2020/21 dự kiến sẽ thu hoạch chậm hơn. Nhiều tín hiệu cho thấy là thị trường sẽ khởi sắc hơn trong năm 2021.

+ Mặt hàng thủy sản: Việc Trung Quốc tăng kiểm soát, lấy mẫu hàng thủy hải sản đông lạnh nhập khẩu để ngăn chặn dịch Covid-19 khiến nhiều doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam gặp khó khăn. Trong tháng 12/2020, giá cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp giảm 2.000 đ/kg so với cuối tháng 11/2020, xuống còn 21.000 đ/kg.



Từ ngày 10/11/2020, Trung Quốc đã áp dụng chế độ kiểm soát, xông khử trùng và truy xuất nguồn gốc 100% lô hàng thủy sản đông lạnh tại hầu hết các cảng lớn của nước này như: Thượng Hải, Vũ Hán, Thiên Tân, Thanh Đảo... Quá trình thực hiện việc lấy mẫu, trả mẫu kiểm tra, cấp giấy chứng nhận kéo dài khiến lượng hàng hóa lớn bị tắc tại cảng. Ngày 10/12/2020, Trung Quốc tiếp tục thông báo áp chế độ kiểm soát các lô hàng thanh long và thủy sản đông lạnh của Việt Nam nhập khẩu qua Trung Quốc qua cửa khẩu Lạng Sơn của Việt Nam.

+ Mặt hàng cao su: Giá thu mua cao su của các công ty biến động trái chiều trong tháng 12/2020. Cụ thể, giá thu mua mủ nước tại vườn của Tổng Công ty Cao su Đồng Nai tăng 3.100 đ/kg lên mức 37.500

đ/kg; giá thu mua các loại mủ chén khác dao động ở mức 8.700 – 12.500 đ/kg, tăng 800 đ/kg so với cuối tháng 11/2020. Trong khi đó, Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh đưa ra bảng giá thu mua với những điều chỉnh giảm từ 500 – 700 đ/kg so với cuối tháng 11/2020, dao động ở mức 7.900 – 11.500 đ/kg. Giá cao su trong nước giảm theo xu hướng chung của thị trường thế giới trong bối cảnh lo ngại nhu cầu cao su phục hồi chậm hơn khi một biến thể mới của virus corona đang lây lan nhanh chóng tại Anh khiến các quốc gia tại châu Âu tăng cường các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Tuy vậy, thị trường cao su vẫn được đánh giá tích cực khi bước sang năm 2021 bởi nguồn cung tại các nước Đông Nam Á giảm trong khi nhu cầu của Trung Quốc – thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất thế giới vẫn ở mức cao.

### Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 28/12/2020

Tên hàng	Ngày 28/12/2020 (đ/kg)	So với ngày 14/12/2020 (%)	So với ngày 26/11/2020 (%)	So với đầu năm 2020 (%)
Gạo NL IR 504	9.700	-0,5	7,2	47,0
Gạo thành phẩm IR 504	11.000	0,0	4,8	46,7
Tấm gạo IR 504	10.000	0,0	2,0	56,3
Cám vàng	6.800	-0,7	-2,2	41,7
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	34.500	4,5	6,2	7,5
Giá nhân điều xô tại Bình Phước	32.000	6,7	6,7	-13,5
Điều W240	28.000	0,0	3,7	
Điều W 320	30000	0,0	7,1	
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	54.000	-4,4	-6,1	28,6
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	21.000	0,0	-8,7	0,0
Tôm càng xanh tại Đồng Tháp (100 g/con)	200.000	-13,0	-28,6	-13,0
Cá ngừ vằn tại Đà Nẵng	50.000	-9,1	-9,1	-28,6
Mực ống tại Đà Nẵng (17 - 24 cm/con)	100.000	-16,7	-23,1	-28,6
Tôm sú tại Đà Nẵng (25 - 30 con/kg)	220.000	-8,3	0,0	-31,3
Tôm chân trắng tại Đà Nẵng (60 con/kg)	120.000	0,0	0,0	0,0
<b>Giá thu mua cao su của Tổng Công ty Cao su Đồng Nai</b>				
Loại 1 (đ/độ TSC)	347	2,1	9,1	15,7
Loại 2 (đ/độ TSC)	340	2,1	9,3	14,5
Mủ nước tại vườn	37.500	1,9	9,0	15,7
Mủ chén dây khô	12.500	0,0	6,8	0,0
Mủ chén dây vừa	11.500	0,0	7,5	0,0
<b>Giá thu mua cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh</b>				
Mủ chén, dây khô	11.500	1,8	-5,7	-6,5
Mủ chén ướt	7.900	1,3	-6,0	-7,1
Mủ đông khô	10.400	2,0	-5,5	-6,3

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

## TIẾP TỤC NỖ LỰC NHẪM CHIẾM LĨNH THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN NỘI ĐỊA

**T**rong năm 2020, trong bối cảnh hoạt động xuất khẩu hàng nông sản gặp nhiều trở ngại trước những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 cộng với việc Việt Nam tham gia nhiều hơn vào các FTA thế hệ mới, các doanh nghiệp sản xuất hàng nông sản trong nước đã có nhiều nỗ lực nhằm mở rộng và chiếm lĩnh thị trường tiêu thụ nội địa, tạo nền tảng vững chắc để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu.



Tuy nhiên, việc chinh phục thị trường trong nước cũng đối mặt với không ít thách thức bởi khi chất lượng cuộc sống ngày càng được nâng cao, người tiêu dùng sẽ khắt khe hơn trong việc lựa chọn sản phẩm tiêu dùng nói chung và các mặt hàng nông sản nói riêng, trong khi việc lấy lại niềm tin của người tiêu dùng sau rất nhiều vụ việc vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm vẫn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, khi Việt Nam là thành viên của nhiều FTA thế hệ mới, các sản phẩm nông sản nội địa sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ trên sân nhà do hàng nông sản nhập khẩu giá rẻ hơn trước đây và người tiêu dùng có tâm lý ưa chuộng hàng ngoại nhập.

Xác định rõ việc nông sản nhập khẩu ngày càng phổ biến trên thị trường là điều tất yếu khi Việt Nam mở cửa hội nhập, để cạnh tranh, yếu tố quan trọng nhất là hàng nông sản Việt Nam phải tăng chất lượng và hạ giá thành, coi phát triển chuỗi

cung cấp thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn là khâu đột phá để nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, có sự liên kết chặt chẽ hơn giữa các nhà sản xuất, doanh nghiệp cung ứng và hệ thống tiêu thụ, cố gắng tạo ra một hệ thống vững chắc cho hàng Việt Nam, tạo lập vị thế mới trên thị trường nội địa.

Để có thể đưa hàng nông sản Việt Nam vào các siêu thị, các chuỗi bán lẻ, yêu cầu đầu tiên và cốt yếu phải có là thông tin về doanh nghiệp và những sản phẩm của doanh nghiệp đó. Những thông tin này cần phải được minh bạch, rõ ràng, đúng quy trình thủ tục của các cơ quan có thẩm quyền. Trong đó, ưu tiên lựa chọn những đối tác cung cấp sản phẩm có đầy đủ giấy chứng nhận về vệ sinh an toàn thực phẩm như Global Gap, VietGap và những sản phẩm có gắn với việc bảo vệ môi trường cũng như phát triển bền vững.

Trong thời gian qua, việc phát triển chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn trên toàn quốc đã đạt được kết quả khả quan. Theo số liệu của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), trong năm 2020 cả nước đã có 430.000 ha cây trồng được chứng nhận VietGAP và tương đương (tăng gấp 11 lần so với năm 2019) với 6.045 doanh nghiệp được chứng nhận (tăng gấp 3,1 lần so với năm 2019); 664 cơ sở nuôi thủy sản với diện tích nuôi trồng thủy sản là 15.833 ha được cấp chứng nhận VietGAP và tương đương (tăng gấp 3 lần năm 2019); 816 trang trại và 1.249 hộ chăn nuôi được chứng nhận VietGAHP và tương đương với sản lượng 608.144 tấn thịt và 315.034 triệu quả trứng. Đến nay, nhiều mô hình áp dụng kỹ thuật trồng trọt, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đã mang lại chất lượng quả tốt hơn, được đưa vào tiêu thụ trong các siêu thị lớn tại nhiều địa phương.



Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp trong ngành nông sản đã và đang có những thay đổi từ cách thức sản xuất cho đến cách tiếp cận thị trường trong và ngoài nước, tập trung đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá để người dân hiểu được chất lượng, sản phẩm nông sản của các doanh nghiệp trong nước. Từ đó, tạo niềm tin cho người tiêu dùng trong nước với hàng nông sản Việt Nam. Cụ thể, các doanh nghiệp lớn như Vina T&T, Vinamit... đã và đang thực hiện chuyển đổi tốt khi vừa xuất khẩu, vừa “chắc chân” tại nội địa. Trong đó, Công ty Vina T&T từ năm 2019 đã mở các cửa hàng giới thiệu, bán sản phẩm nông sản đạt chuẩn xuất khẩu cho người tiêu dùng trong nước và được đón nhận tích cực, hoặc công ty Vinamit từ những ngày đầu hoạt động đã quy hoạch các vùng nguyên liệu của mình trồng theo tiêu chuẩn organic... Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp khác như Lavifood, MINA, Công ty Chanh Việt... đã triển khai trồng nông sản theo tiêu chuẩn Global GAP, có mã số vùng trồng rõ ràng. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp này cũng thiết kế nhà xưởng xử lý sau thu hoạch đạt chuẩn HACCP... đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn vệ sinh thực phẩm để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa cũng như yêu cầu mà các thị trường xuất khẩu “khó tính” đề ra.

Trong khi đó, việc vi phạm chất lượng, an toàn thực phẩm sản phẩm nông, thủy sản của các doanh nghiệp sản xuất đã

được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản được xếp loại A/B đạt 98,1%, tăng 97% so với năm 2019. Việc sử dụng chất cấm Salbutamol trong chăn nuôi và sử dụng hóa chất/kháng sinh trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản được hạn chế triệt để. Theo đó, không phát hiện chất cấm Salbutamol, Clenbuterol trong 939 mẫu thịt lợn, 398 mẫu nước tiểu lợn, thuốc an thần Acepromazine trong 68 mẫu thịt gia súc; tỷ lệ mẫu nhiễm hóa chất, kháng sinh, kim loại nặng trong thủy sản nuôi giảm xuống còn 0,45% so với 0,98% năm 2019; tỷ lệ mẫu thịt gia súc, gia cầm tại cơ sở giết mổ và kinh doanh nhiễm vi sinh vật giảm xuống 15% so với 18,9% cùng kỳ năm 2019. Ngoài ra, việc quản lý chất lượng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, thức ăn chăn nuôi cũng được chú trọng và tăng cường hơn.

Trong thời gian tới, để có thể duy trì, giữ vững và chiếm lĩnh thị trường nội địa, các doanh nghiệp cần tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng liên kết giữa các nhà máy, các doanh nghiệp kinh doanh với nông dân sản xuất tại các vùng nguyên liệu để đảm bảo chất lượng trên cơ sở áp dụng kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao. Đây sẽ là giải pháp đột phá chiến lược, tạo sức cạnh tranh. Đồng thời, điều cần thiết là phải đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá sản phẩm đến với người tiêu dùng, đẩy mạnh phát triển thương hiệu, đẩy mạnh các sản phẩm đặc thù, đặc sản để nâng được lợi thế của hàng Việt Nam so với hàng nhập khẩu.





# THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

## XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TRONG NĂM 2020 TĂNG 2,8%

Trong tháng 12/2020, mặc dù đây là thời điểm các doanh nghiệp phải tăng tốc và đẩy mạnh xuất khẩu để hoàn tất đơn hàng đã ký trong năm 2020, nhưng nhìn chung hoạt động xuất khẩu nông, lâm, thủy sản vẫn chưa thực sự "bứt phá" và tiếp tục đối mặt với thách thức trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 tại nhiều thị trường trên toàn cầu, đặc biệt là thị trường Mỹ và EU. Trong khi đó, hoạt động logistics cũng gặp rất nhiều trở ngại do tình trạng thiếu container rỗng kéo dài trong gần 2 tháng qua cộng với cước tàu biển gia tăng rất mạnh và một số cảng nhập khẩu ở châu Âu thông báo tạm dừng đón tàu đến vì dịch bệnh bùng phát trở lại, buộc nhiều doanh nghiệp phải dời kế hoạch xuất hàng cho đơn hàng cũ và

từ chối đơn hàng mới vì không thể giao đúng theo hợp đồng.

Ước tính, kim ngạch xuất khẩu 10 mặt hàng chủ lực thuộc nhóm nông, lâm, thủy sản (bao gồm thủy sản, rau quả, hạt tiêu, hạt điều, chè, gạo, cà phê, sắn và các sản phẩm từ sắn, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ) trong tháng 12/2020 đạt 3,51 tỷ USD, tăng 3,6% so với tháng trước và chỉ tăng nhẹ 1% so với tháng 12/2019, chiếm 13,3% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Trong đó, xuất khẩu thủy sản, rau quả, hạt điều, cà phê và chè là những mặt hàng chịu ảnh hưởng nhiều nhất với kim ngạch xuất khẩu đều giảm so với tháng 12/2019, trong khi xuất khẩu gạo, sắn và các sản phẩm từ sắn, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ tiếp tục tăng trưởng khả quan.

### Ước tính xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 12 và năm 2020

Đơn vị tính: Lượng: nghìn tấn; Kim ngạch: Triệu USD

Mặt hàng chủ yếu	Ước tính tháng 12/2020		Ước tính năm 2020		So sánh (%)					
					T12/20 so với T11/20		T12/20 so với T12/19		12T/20 so với 12T/19	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
<b>Tổng KNXK</b>		<b>26.500</b>		<b>281.471</b>		<b>5,0</b>		<b>17,6</b>		<b>6,5</b>
<b>Nhóm nông, lâm, thủy sản</b>		<b>3.513</b>		<b>37.136</b>		<b>3,6</b>		<b>1,0</b>		<b>2,8</b>
Tỷ trọng		13,3		13,2						
Thủy sản		700		8.384		-5,7		-3,4		-1,8
Rau quả		265		3.259		1,3		-20,7		-13,0
Hạt điều	47	280	511	3.188	2,3	-0,6	10,8	-6,0	12,1	-3,0
Cà phê	85	170	1.511	2.658	1,5	5,5	-54,7	-48,0	-8,8	-7,2
Chè	13	20	137	220	7,1	0,5	-13,8	-17,8	-0,4	-6,8
Hạt tiêu	23	62	288	665	0,3	2,5	38,0	54,4	1,2	-6,8
Gạo	443	240	6.146	3.068	26,0	27,0	-11,3	5,3	-3,5	9,3
Sắn và các sản phẩm từ sắn	330	118	2.760	989	17,4	10,6	2,6	5,4	9,0	2,4
- Sắn	67	24	643	155	39,1	136,2	7,7	204,6	60,6	95,6
Cao su	225	358	1.749	2.382	4,0	8,1	13,2	29,8	2,8	3,5
Gỗ và sản phẩm gỗ		1.300		12.323		5,2		16,7		15,7
- Sản phẩm gỗ		1.010		9.485		0,5		20,4		21,8

Nguồn: Số liệu ước tính Liên bộ (gồm: Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước, Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan)

Như vậy, trong cả năm 2020, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 37,14 tỷ USD, tăng nhẹ 2,8% so với năm 2019, chiếm 13,3% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước, giảm nhẹ so với tỷ trọng 13,9% trong năm 2019. Mặc dù tốc độ tăng trưởng không cao so với những năm gần đây và cũng thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng chung, nhưng xét trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp trên toàn cầu và ảnh hưởng nặng nề đến tất cả các hoạt động thương mại nông, thủy sản giữa các quốc gia thì những kết quả đạt được trong hoạt động xuất khẩu nhóm hàng này được đánh giá tương đối tích cực. Trong đó, ghi nhận một số điểm nổi bật trong xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong năm 2020 như sau:

+ Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 1/8/2020 đã mở ra nhiều cơ hội lớn cho xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam. Ngay sau khi EVFTA có hiệu lực, hàng loạt mặt hàng của Việt Nam như gạo, rau quả, cà phê, tôm, đồ gỗ... đã được xuất khẩu sang các thị trường thuộc Liên minh EU và bước đầu hưởng lợi theo các cam kết của EVFTA. Trong gần 5 tháng triển khai, những tác động tích cực đã lan tỏa đến hầu hết các mặt hàng nông, thủy sản với giá và lượng xuất khẩu sang nhiều thị trường thuộc EU đều có sự cải thiện đáng kể cho dù vẫn chịu tác động từ dịch bệnh Covid-19. Diễn biến tăng trưởng nhanh ở một số thị trường cao cấp, khó tính ngay khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực đã cho thấy những thay đổi tích cực của nông, thủy sản Việt Nam. Với các cam kết trong EVFTA, thời gian tới, khả năng cạnh tranh của các mặt hàng này sẽ được nâng cao đáng kể để gia tăng thị phần tại thị trường EU.



+ Trong năm 2020, giá xuất khẩu gạo của Việt Nam liên tục tăng lên các mức cao kỷ lục, bình quân đạt 499 USD/tấn, tăng 13,3% so với mức bình quân trong năm 2019, góp phần đưa tổng kim ngạch xuất khẩu gạo trong năm 2020 tăng 9,3% lên 3,07 tỷ USD, cho dù sản lượng xuất khẩu giảm 3,5% xuống 6,15 triệu tấn. Kim ngạch xuất khẩu gạo dự báo sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực trong năm 2021. Trên thị trường quốc tế, giá chào bán gạo 5% tấm của Việt Nam ngày 25/12/2020 ở mức 500 USD/tấn, đây là mức giá cao nhất kể từ tháng 12/2011. Trong khi đó, tại Đồng bằng sông Cửu Long, trong tuần cuối tháng 12/2020, giá lúa tươi OM 5982, OM 6976, IR 50404... cũng tăng lên mức cao kỷ lục 6.800 - 7.000 đồng/kg. Về cơ cấu chủng loại, xuất khẩu gạo Việt Nam đang dần thay thế các loại gạo phẩm cấp thấp sang phẩm cấp cao để thâm nhập sâu hơn vào các thị trường có yêu cầu cao như Mỹ, EU, Hàn Quốc hay Nhật Bản. Sự bứt phá trong giá trị gạo Việt Nam năm 2020 là nhờ 3 yếu tố chính:

(i) Thứ nhất là sau 4 năm triển khai thực hiện, đề án tái cơ cấu ngành lúa gạo Việt Nam đến năm 2020 đã tạo được những chuyển biến tích cực trong tổ chức sản xuất và tiêu thụ, từng bước nâng cao giá trị cho gạo Việt Nam, làm thay đổi quy trình canh tác lúa theo hướng nâng cao chất lượng thay vì tăng sản lượng.

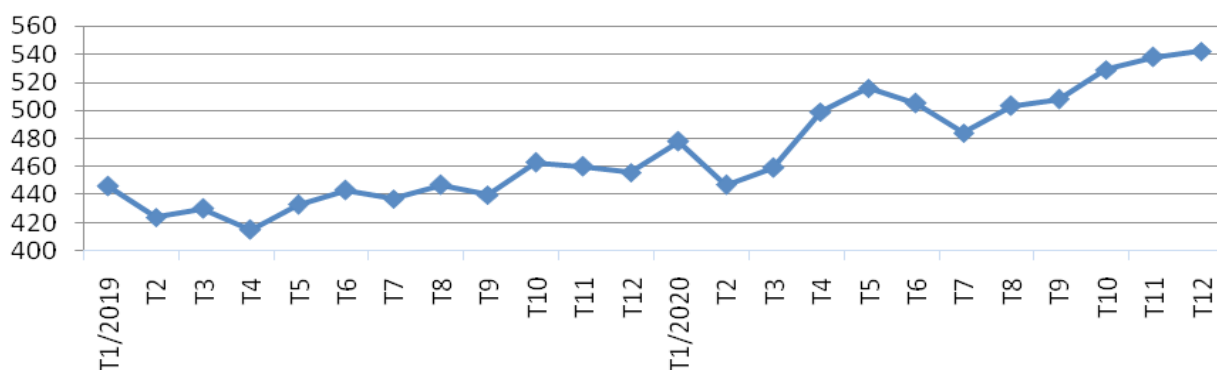
(ii) Thứ hai, việc Việt Nam tham gia hàng loạt Hiệp định Thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP và gần đây nhất là UKVFTA (Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Vương quốc Anh) được ký kết ngày 29/12/2020 đã và đang tạo điều kiện cho xuất khẩu ngành hàng gạo nói riêng và các mặt hàng nông, lâm, thủy sản khác nói chung bứt phá.

(iii) Thứ ba, nhu cầu tiêu thụ và tích trữ lương thực tại nhiều quốc gia ở mức cao trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trong khi nguồn cung tại một số nước sản xuất lớn sụt giảm.



## Giá gạo xuất khẩu trung bình của Việt Nam qua các tháng trong năm 2019-2020

(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan và ước tính tháng 12/2020

+ Trong năm 2020, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng thủy sản mặc dù chưa đạt kỳ vọng với mức giảm 1,8% so với năm 2019 xuống 8,38 tỷ USD do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, tuy nhiên xuất khẩu thủy sản Việt Nam lại ghi nhận điểm sáng ở ngành tôm khi đạt mức tăng trưởng rất mạnh. Kim ngạch xuất khẩu tôm đã tăng trưởng 2 con số từ tháng 6/2020 và tăng mạnh 25-28% từ tháng 9 đến tháng 11/2020. Tính chung trong 11 tháng năm 2020, kim ngạch xuất khẩu tôm đạt khoảng 3,5 tỷ USD, tăng gần 14% so với cùng kỳ năm 2019 và ước tính xuất khẩu tôm năm 2020 đạt khoảng 3,8 tỷ USD, tăng gần 15% so với năm 2019. Nguyên nhân chính nhờ tôm Việt Nam có lợi thế cạnh tranh hơn so với các nguồn cung quan trọng khác trong bối cảnh hoạt động sản xuất ổn định do dịch Covid-19 được kiểm soát tốt, nguồn nguyên liệu dồi dào, khả năng chế biến được cải thiện cộng với việc doanh nghiệp đã chủ động chuyển hướng xuất khẩu vào các hệ thống siêu thị, kênh phân phối lớn, trong khi các nhà hàng, hệ thống thực phẩm toàn cầu bị tạm dừng hoạt động bởi dịch bệnh.

+ Đối với ngành gỗ, mặc dù gặp nhiều khó khăn của dịch bệnh nhưng hoạt động xuất khẩu vẫn ghi nhận diễn biến rất tích cực, đưa ngành gỗ trở thành ngành có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản và là một

trong những ngành sản xuất của Việt Nam có sự phục hồi nhanh nhất khi dịch bệnh Covid-19 tạm lắng. Theo đó, tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong năm 2020 ước đạt 12,32 tỷ USD, tăng 15,7% so với năm 2019, chiếm 33,2% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản và chiếm 4,4% tỷ trọng trên tổng xuất khẩu hàng hóa của cả nước, tiến sát với mục tiêu đạt 12,5 tỷ USD toàn ngành đặt ra vào đầu năm 2020. Tuy nhiên, đây cũng là một trong những ngành hàng "nhạy cảm" và chịu nhiều rủi ro trong việc phải đối mặt với các vụ điều tra chống bán phá giá đến từ các thị trường xuất khẩu chủ lực.

Trong năm 2021, dự báo triển vọng xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản sẽ đạt được kết quả khả quan hơn trong bối cảnh tác động của Hiệp định EVFTA trở nên rõ nét hơn cộng với tình hình dịch bệnh được kỳ vọng sẽ được kiểm soát trên toàn cầu. Tuy nhiên, để có thể nắm bắt được các cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu, vấn đề quan trọng nhất là các doanh nghiệp cần tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã, đáp ứng yêu cầu của từng thị trường bởi trong bối cảnh hiện nay, không chỉ các thị trường châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada... có các yêu cầu cao về chất lượng mà ngay cả thị trường Trung Quốc hay Thái Lan cũng đã và đang ngày càng siết chặt các tiêu chí đối với sản phẩm nhập khẩu.

## 11 THÁNG NĂM 2020: XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG MỸ ĐẠT MỨC CAO NHẤT TỪ TRƯỚC ĐẾN NAY



Mặc dù nền kinh tế Mỹ chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 nhưng xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường này trong 11 tháng năm 2020 vẫn đạt kết quả hết sức ấn tượng. Cụ thể, tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong 11 tháng năm 2020 đạt mức cao nhất trong nhiều năm qua với 9,34 tỷ USD, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Mỹ đạt 6,37 tỷ USD, tăng 34% so với cùng kỳ năm 2019 và chiếm 68,2% tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường này. Đứng thứ hai là thủy sản đạt 1,49 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2019; tiếp đến là hạt điều đạt 146,04 nghìn tấn, trị

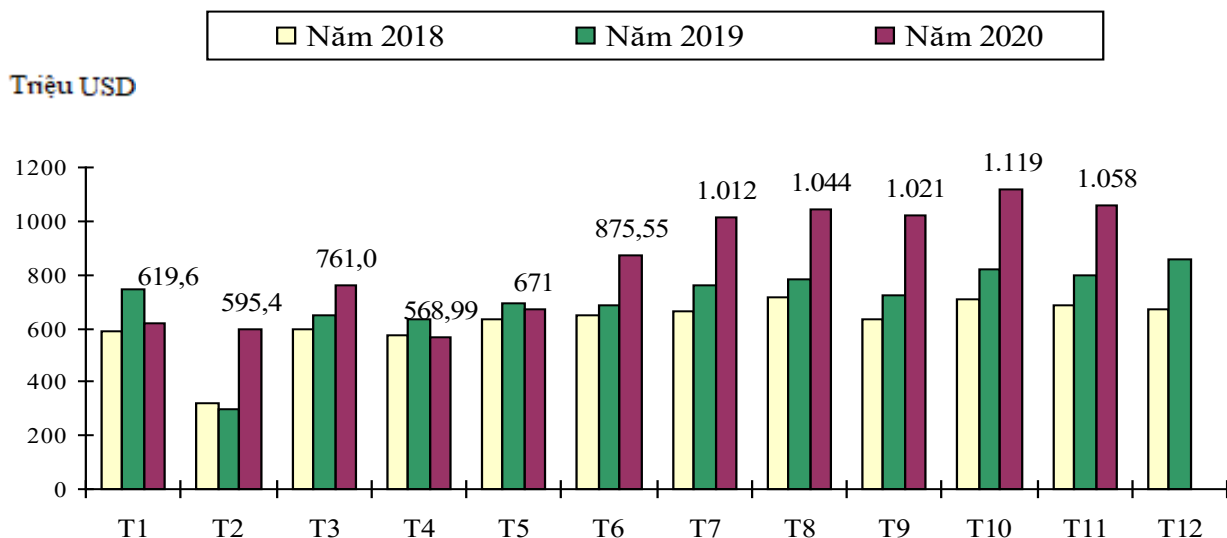
giá 917,09 triệu USD, tăng 8,6% về lượng nhưng giảm 2,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Ngoài ra, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Mỹ giảm 1,7% về lượng nhưng lại tăng 4,7% về trị giá; kim ngạch rau quả tăng 10,7%; gạo tăng 19,8%. Ngược lại, xuất khẩu cao su và chè sang thị trường Mỹ giảm về lượng và trị giá so với 11 tháng năm 2019. Hiện nay, Mỹ đang là thị trường xuất khẩu chủ lực gỗ và các sản phẩm gỗ, thủy sản, cà phê, hạt điều của Việt Nam.

Tính riêng trong tháng 11/2020, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ giảm nhẹ 3,2% so với tháng 10/2020, nhưng tăng tới 32% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 1,06 tỷ USD. Như vậy, xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam sang thị

trường Mỹ trong 5 tháng liên tiếp đều đạt hơn 1 tỷ USD. So với tháng 11/2019, kim ngạch xuất khẩu hầu hết mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang

thị trường Mỹ ghi nhận mức tăng trưởng cao như: Gỗ và sản phẩm gỗ tăng 46,9%, thủy sản tăng 12,7%, rau quả tăng 20,6%, gạo tăng 28,2%, cao su tăng 62,9%...

### Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Mỹ năm 2018 - 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

### Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong tháng 11 và 11 tháng năm 2020 (ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Mặt hàng	Tháng 11/2020		So với tháng 10/2020 (%)		So với tháng 11/2019 (%)		11 tháng năm 2020		So với 11 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Gỗ và sản phẩm gỗ		794.402		-3,2		46,9		6.369.976		34,0
Hàng thủy sản		144.970		-16,1		12,7		1.492.330		10,3
Hạt điều	11.767	68.321	-9,1	-9,8	-1,7	-13,8	146.040	917.092	8,6	-2,9
Cà phê	8.460	15.137	-5,9	-4,4	-44,5	-39,9	129.502	230.630	-1,7	4,7
Hàng rau quả		15.862		9,0		20,6		152.499		10,7
Hạt tiêu	4.038	11.143	-19,6	-12,3	24,9	24,9	51.586	130.037	7,3	-1,2
Cao su	4.615	7.270	43,1	70,5	34,8	62,9	23.837	33.151	-21,0	-17,1
Gạo	1.793	1.335	12,6	20,1	8,1	28,2	18.125	12.520	13,6	19,8
Chè	295	395	-21,5	-16,5	-16,4	-6,0	4.655	6.020	-10,2	-6,1
Tổng kim ngạch		1.058.834		-5,3		32,0		9.344.254		23,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

### Triển vọng xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Mỹ

Trong thời gian tới, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng do nhu cầu đang tăng lên

theo sự phục hồi của nền kinh tế Mỹ.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp cũng cần theo dõi sát các động thái mới về chính sách của Mỹ để có phương án kinh doanh kịp thời. Mới đây, Bộ Tài chính Mỹ lần đầu tiên chính thức xem Việt Nam, cùng với



Thủy Sản, là quốc gia thao túng tiền tệ, với cáo buộc can thiệp một cách không công bằng vào thị trường hối đoái. Vào tháng 11/2020, với lý do hạ thấp giá trị tiền đồng, Mỹ đã áp các mức thuế mới đối với lớp xe hơi và xe tải nhập khẩu từ Việt Nam. Sắp tới sản phẩm gỗ từ Việt Nam có thể bị áp thuế bởi phía Mỹ đang điều tra về lẩn tránh thuế đối với gỗ dán và cáo buộc sử dụng gỗ bất hợp pháp tại thị trường nội địa và trong sản phẩm xuất khẩu vào Mỹ.

Trong dài hạn, các cơ quan quản lý và cộng đồng doanh nghiệp gỗ cần đa dạng nguồn cung gỗ nguyên liệu, giảm tỷ trọng nguồn cung nhập khẩu từ khu vực nhiệt đới, tăng tỷ trọng từ các nguồn cung rủi ro thấp. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý và các Hiệp hội gỗ cần phối hợp với các cơ quan truyền thông, đưa ra các cơ chế và thông điệp khuyến khích sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước, không những giúp ngành giảm rủi ro trong sử dụng nguồn nguyên liệu mà có ý nghĩa trực tiếp đối với hàng triệu nông hộ trồng rừng hiện nay.

### **Hàng thủy sản:**

Trị giá thủy sản giao dịch trên toàn cầu và nhập khẩu thủy sản của Mỹ được dự báo sẽ tiếp tục tăng mạnh qua từng năm khi người tiêu dùng có xu hướng giảm tiêu thụ thịt. Theo Change Tastes - một công ty tư vấn thực phẩm cho thấy, Mỹ đã nhập khẩu hơn 22 tỷ USD thủy sản trong 12 tháng tính đến cuối tháng 10/2020, chiếm khoảng 1/8 tiêu thụ thủy sản toàn cầu. Con số này đã tăng gấp 3 lần trong 25 năm qua và tiếp tục tăng bất chấp dịch Covid-19. Dự báo mức nhập khẩu sẽ tiếp tục ổn định trong nhiều năm tới. Lần đầu tiên, thủy sản trở thành lựa chọn phổ biến nhất của người tiêu dùng Mỹ để thay thế thịt. Theo các cuộc khảo sát, trong hơn 2 năm qua người tiêu dùng Mỹ hạn chế lượng tiêu thụ thịt bò. Ngoài ra, 1/5 người tiêu dùng giảm tiêu thụ thịt

và muốn chuyển sang tiêu thụ thủy sản để thay thế. Việc này sẽ tăng đáng kể mức tiêu thụ các sản phẩm thủy sản ở Mỹ.



Tôm là mặt hàng thủy sản được ưa chuộng nhất ở Mỹ kể từ hơn một thập kỷ trước, tiếp theo là cá hồi được ưa chuộng hơn cả cá ngừ và cua. Ngoài ra, nhiều loài thủy sản khác hiện đang được ưa chuộng ở Mỹ. So với vài năm trước đây, một số sản phẩm giá trị gia tăng hấp dẫn hơn đối với người tiêu dùng ở Mỹ vì dịch Covid-19 đã thay đổi cách người tiêu dùng tiêu thụ thủy sản. Các sản phẩm hun khói, sấy và ướp lạnh và các sản phẩm sơ chế cũng mang lại những hương vị mới cho người tiêu dùng và các sản phẩm này phù hợp với cách người tiêu dùng tiêu thụ thủy sản tại Mỹ hiện nay.

Trong 11 tháng năm 2020, tôm vẫn là mặt hàng thủy sản xuất khẩu có kim ngạch cao nhất của Việt Nam sang thị trường Mỹ với 803,6 triệu USD, tăng 33,9% so với cùng kỳ năm 2019 và chiếm 54% trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Mỹ. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu cá đóng hộp sang thị trường Mỹ cũng tăng mạnh 197,5%, bánh hải sản tăng 225,1%, mực các loại tăng 21,7%... Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang thị trường Mỹ giảm 12,5% so với 11 tháng năm 2019, ghe giảm 29,3%, cá tra tăng 12,15 về lượng nhưng giảm 15,5% về trị giá...

## Một số chủng loại thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong 11 tháng năm 2020

Chủng loại	11 tháng năm 2020		So với 11 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tôm các loại	75.285	803.596	30,1	33,9
Cá ngừ các loại	41.668	259.955	-15,6	-12,5
Cá tra, basa	78.097	218.558	12,1	-15,5
Cá đông lạnh	18.122	103.658	1,8	1,5
Ghẹ các loại	2.580	30.278	0,2	-29,3
Cá đóng hộp	4.836	16.500	170,2	197,5
Cua các loại	529	9.842	22,1	0,8
Nghêu các loại	2.134	5.270	-22,2	-16,6
Bánh hải sản	490	5.082	211,9	225,1
Bạch tuộc các loại	886	4.845	-48,4	-49,7
Mực các loại	668	4.829	24,6	21,7
Mắm	1.385	4.780	57,4	26,4
Surimi	941	4.542	94,3	86,3
Ốc các loại	518	2.734	102,4	96,3
Cá khô	300	2.599	62,5	70,8
Thủy sản khác	266	2.316	4,4	16,2
Thủy sản làm cảnh	33	2.120	-57,2	9,5
Sò các loại	148	1.045	44,6	2,5
Lươn	94	972	330,3	302,0
Ba khía	175	879	50,1	69,7
Hến	135	472	25,5	32,8
Tép	86	362	42,5	77,1
Nhông	83	304	207,5	195,3
Dimsum	52	236	44,2	60,3
Trứng cá	10	204	-18,6	-17,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

### Hàng rau quả:

Trong 11 tháng năm 2020, cơ cấu các mặt hàng rau quả xuất khẩu sang thị trường Mỹ đã có sự thay đổi rõ rệt theo xu hướng tiện lợi trong bối cảnh dịch Covid-19. Theo đó, xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ rau quả và rau củ tươi sang thị trường Mỹ có xu hướng tăng trong khi trái cây tươi lại giảm. Trong 11 tháng năm 2020, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chế biến từ rau quả của Việt Nam sang thị trường Mỹ đã tăng 39,5% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 82,12 triệu USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hạt dẻ cười sang thị trường Mỹ tăng đột biến 48.477% so với 11 tháng năm 2019, đạt 11,66 triệu USD. Ngoài ra, nhiều sản phẩm chế biến khác cũng tăng so với cùng kỳ năm 2019 như: Dừa tăng 40,2%, dứa tăng

81,7%, chanh leo tăng 59,7%, hạt điều tăng 151%...

Về nhóm hàng rau củ, kim ngạch xuất khẩu ngô, ớt, tỏi, khoai mỡ... sang thị trường Mỹ đều tăng mạnh so với 11 tháng năm 2019.

Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu trái thanh long tươi sang thị trường Mỹ giảm mạnh 30,7% trong 11 tháng năm 2020, nhãn giảm 28,4%, hạnh nhân giảm 41,8%...

Hiện nay, Việt Nam có nhiều tiềm năng xuất khẩu hàng rau quả sang thị trường Mỹ. Trong đó, Việt Nam có lợi thế cạnh tranh ở những mặt hàng như chuối, xoài, dưa chuột, dứa, chanh. Tuy nhiên, nhập khẩu các mặt hàng trên của Mỹ từ Việt Nam vẫn chưa tương xứng với tiềm năng do nhiều rào cản về yêu cầu chất

lượng. Trong khi đó, trình độ sản xuất ở các công đoạn sản xuất và chế biến rau quả của Việt Nam còn hạn chế. Sản phẩm rau quả của Việt Nam chưa tiếp cận được hệ thống phân phối trực tiếp cũng như phải đối diện với xu hướng bảo hộ nông nghiệp gia tăng tại Mỹ.

Để nâng cao giá trị hàng rau quả xuất khẩu sang thị trường Mỹ, ngành hàng rau quả Việt Nam cần nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng quy định về chất lượng thương mại và nhãn mác; quy định về an toàn thực phẩm; quy định về kiểm

dịch thực phẩm; các quy định về hệ thống quản lý tại đơn vị sản xuất.



### Một số chủng loại rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong 11 tháng năm 2020

Chủng loại	11 tháng năm 2020 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2019 (%)
<b>Sản phẩm chế biến</b>	<b>82.122</b>	<b>39,5</b>
Hạt dẻ cười	11.658	48.477
Dừa	6.370	40,2
Dứa	5.851	81,7
Mãng cầu	5.203	-17,7
Chanh leo	5.138	59,7
Hạt điều	4.081	151,0
Dừa chuột	3.577	9,8
Thanh long	3.157	82,8
Nấm mỡ	3.066	58,0
Lá nho	2.871	413,0
Ngô	2.845	-20,8
Trái cây	2.551	134,6
Nấm rơm	2.368	-57,3
Cơm dừa	2.070	45,2
Xoài	1.929	21,8
Mít	1.400	92,6
<b>Quả</b>	<b>59.525</b>	<b>-15,1</b>
Thanh long	21.212	-30,7
Sầu riêng	6.611	212,5
Xoài	5.904	85,0
Nhãn	5.839	-28,4
Hạnh nhân	4.092	-41,8
Dừa	4.040	22,7
óc chó	3.741	118,8
Macadamia	1.538	338,0
Cau	1.297	20,2
Hạt dẻ cười	1.273	-84,8
Vú sữa	1.254	16,0
<b>Rau củ</b>	<b>8.984</b>	<b>16,5</b>
Ngô	3.834	18,8
Ốt	1.022	77,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

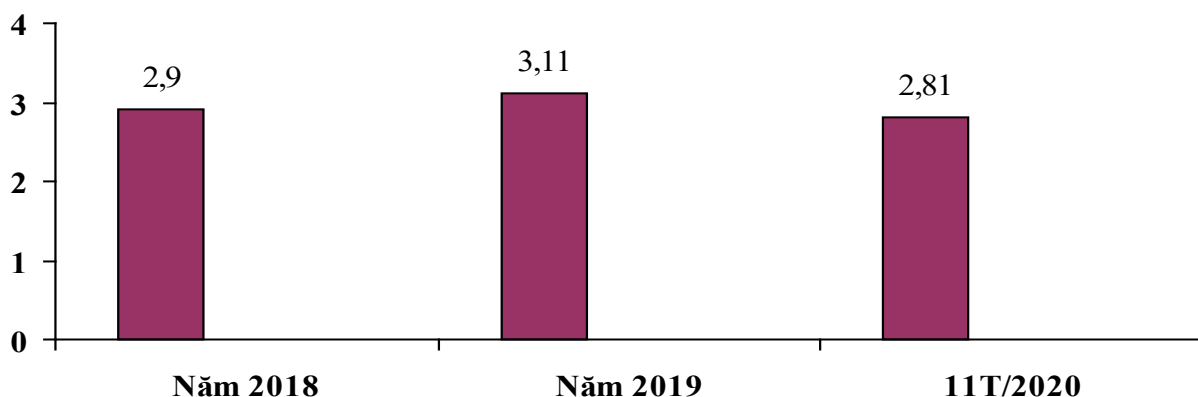


## DỰ BÁO KIM NGẠCH XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG NHẬT BẢN TĂNG TRONG NĂM 2021

Mặc dù bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng kim ngạch xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản chỉ giảm nhẹ. Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang Nhật Bản trong 11 tháng

năm 2020 đạt 2,81 tỷ USD, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2019. Riêng trong tháng 11/2020, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản sang thị trường này đạt 276,8 triệu USD, giảm 1,4% so với tháng trước, nhưng tăng 3,9% so với tháng 11/2019.

### Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản năm 2018 - 2020 (ĐVT: tỷ USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

#### Về chủng loại:

Trong 11 tháng năm 2020, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2019 như cà

phê tăng 15,4%; Hạt điều tăng 62,5%...

Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chính giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2019 như: Hàng thủy sản giảm 3,5%; Gỗ và sản phẩm gỗ giảm 1,6%...

### Xuất khẩu mặt hàng nông, lâm, thủy sản sang thị trường Nhật Bản trong 11 tháng năm 2020 (ĐVT: nghìn USD)

Tên hàng	11 tháng năm 2020	So với cùng kỳ 2019 (%)	Tháng 11/2020	So với tháng 10/2020 (%)	So với tháng 11/2019 (%)
<b>Tổng</b>	<b>2.811.366</b>	<b>-0,9</b>	<b>276.774</b>	<b>-1,4</b>	<b>3,9</b>
Hàng thủy sản	1.303.078	-3,5	133.984	-2,7	-5,3
Gỗ và sản phẩm gỗ	1.159.351	-1,6	115.085	-1,0	17,7
Cà phê	170.384	15,4	11.287	-13,6	1,8
Hàng rau quả	118.222	5,1	10.453	18,3	-10,0
Hạt điều	38.126	62,5	3.096	3,7	67,5
Cao su	14.129	-12,3	1.996	64,5	34,9
Hạt tiêu	6.783	-0,1	872	39,0	-11,6
Sắn và các sản phẩm từ sắn	1.294	-28,1			

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

### **Nhận định và dự báo:**

Năm 2020, mặc dù Việt Nam đã đạt được những kết quả nhất định trong xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản sang Nhật Bản nhưng dư địa từ thị trường này còn rất lớn và còn nhiều tiềm năng giúp tăng trưởng xuất khẩu trong tương lai. Dự báo kim ngạch xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường này sẽ phục hồi từ năm 2021 do dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát tốt, nhu cầu tiêu thụ hàng hóa toàn cầu nói chung và Nhật Bản nói riêng tăng.

Quan hệ thương mại Việt Nam - Nhật Bản đang phát triển tốt đẹp, trong tháng 11/2020 Thủ tướng Nhật Bản đã chọn Việt Nam là nước công du đầu tiên sau khi nhậm chức. Các nhà đầu tư trong đó có Nhật Bản đang quan tâm đến Việt Nam như là điểm đến đầu tư hàng đầu hậu Covid-19.

Lãnh đạo các doanh nghiệp Nhật Bản hoan nghênh việc Nhật Bản và 14 quốc gia khác ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP). Nhật Bản kỳ vọng, thỏa thuận này sẽ giúp thúc đẩy thương mại và đầu tư trong khu vực, đồng thời tăng cường các chuỗi cung ứng, trong đó có Việt Nam. Ngay khi RCEP có hiệu lực, Nhật Bản xóa bỏ 61% thuế đối với nông sản nhập khẩu từ các nước thành viên ASEAN. Đây là những cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam gia tăng kim ngạch xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản sang thị trường Nhật Bản.

### **Hàng thủy sản:**

Theo số liệu thống kê, trong tháng 11/2020, kim ngạch xuất khẩu hàng thủy sản sang Nhật Bản đạt 134 triệu USD, giảm 2,7% so với tháng trước và giảm 5,3% so với tháng 11/2019. Tính chung 11 tháng năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng thủy sản sang thị trường này đạt 1,3 tỷ USD, giảm 3,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Theo thống kê từ Trademap, kim ngạch nhập khẩu hàng thủy sản các loại của Nhật Bản (HS 03) trong 10 tháng năm

2020 đạt 7,9 tỷ USD, giảm tới 15,5% so với cùng kỳ năm 2019 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 gây gián đoạn nguồn cung toàn cầu. Thị phần hàng thủy sản của Việt Nam tại Nhật Bản chiếm 5,1%, tăng so với 4,9% của cùng kỳ năm 2019.



### **Hàng rau quả:**

Theo số liệu thống kê, trong tháng 11/2020, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả sang Nhật Bản đạt 10,5 triệu USD, tăng 18,3% so với tháng trước nhưng giảm 10% so với tháng 11/2019. Tính chung 11 tháng năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả sang thị trường này đạt 118,2 triệu USD, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm 2019.

Xuất khẩu một số mặt hàng có kim ngạch tăng mạnh trong 11 tháng năm 2020 như: Khoai lang tăng 12,5%, đạt 14,9 triệu USD; Trái cây tăng 32%, đạt 5,5 triệu USD; Xoài tăng 18%, đạt 5,4 triệu USD; Chuối tăng 63%, đạt 5,3 triệu USD...

Nhu cầu tiêu thụ hàng rau quả của Nhật Bản vẫn tăng trong bối cảnh dịch Covid-19 nhưng kim ngạch xuất khẩu hàng trái cây của Việt Nam (HS 08) chỉ đạt 1,5% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Nhật Bản.

Chính phủ Nhật Bản ban hành một hệ thống quản lý danh mục thuốc trừ sâu để hạn chế thực phẩm chứa dư lượng thuốc trừ sâu vượt mức cho phép. Đặc biệt, việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm cũng được tập trung chú trọng. Do đó nhà xuất khẩu cần quản lý chặt chẽ những cách thức sản xuất, cũng như chất lượng sản phẩm ở tại nơi sản xuất.

Nhà nhập khẩu rau quả đông lạnh Nhật Bản đưa ra điều kiện quản lý chất lượng ngay từ giai đoạn trồng rau và trái cây ở quốc gia xuất xứ. Vì thế, những nhà sản xuất nước ngoài phải cung cấp kết quả kiểm tra dư lượng thuốc trừ sâu và sơ đồ chuỗi sản xuất thì mới có thể bán rau, trái cây tươi và chế biến cho những công ty Nhật Bản. Để được chấp thuận nhập khẩu, nhà sản xuất phải trả chi phí mời những cán bộ kiểm dịch Nhật Bản sang kiểm tra thực địa, và thời gian kiểm tra đôi khi có thể kéo dài đến vài năm. Do người Nhật Bản thường rất kỹ tính, người

tiêu dùng tại đất nước này cũng đồng thời rất khắt khe và ngày càng quan tâm nhiều hơn đến chất lượng và độ an toàn của thực phẩm nhập khẩu. Họ có sự nhạy cảm cao với những loại thực phẩm không đạt tiêu chuẩn vệ sinh và những sản phẩm không thể truy xuất nguồn gốc.

Để tăng kim ngạch xuất khẩu vào thị trường này, ngành hàng rau, hoa, quả của Việt Nam cần cải thiện thêm về chất lượng nông sản, nhất là vệ sinh an toàn thực phẩm nhằm đạt được những tiêu chuẩn của thị trường Nhật Bản.

### Một số chủng loại hàng rau hoa quả xuất khẩu sang Nhật Bản 11 tháng năm 2020 (ĐVT: nghìn USD)

Chủng loại	11 tháng năm 2020	So với 11 tháng 2019 (%)	Tháng 11/2020	So với tháng 10/2020 (%)	So với tháng 11/2019 (%)
Hoa cúc	25.361	3,3	2.247	19,9	4,4
Cà tím	17.478	-0,1	932	17,9	-41,2
Khoai lang	14.910	12,5	1.570	11,9	-8,3
Đậu bắp	6.249	-17,0	554	49,3	-3,5
Khoai tây	5.601	-27,6	582	-4,6	-38,4
Trái cây	5.459	32,0	1.037	140,6	1.451,4
Xoài	5.406	18,0	555	1,8	23,4
Chuối	5.258	63,0	364	-20,5	14,3
Ngô	4.629	20,2	555	127,4	113,9
Rau củ	3.831	120,6	547	204,1	-1,5
Thanh long	3.472	10,2	284	-20,1	10,5
Hoa Lan Hồ Điệp	3.054	5,0	253	-1,8	-28,6
Hạnh nhân	2.882	18,4	406	869,5	2.151,9
Sầu riêng	2.525	443,9	290	19,4	333,8
Măng	2.223	-15,7	213	75,3	10,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

### Tham khảo một số doanh nghiệp xuất khẩu hàng rau quả sang Nhật Bản 11 tháng năm 2020

STT	Tên doanh nghiệp	Trị giá (nghìn USD)
1	CÔNG TY TNHH DALAT HASFARM	24.356
2	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BẠC LIÊU	16.519
3	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM OLAM VIỆT NAM	12.437
4	CÔNG TY PHÁT TRIỂN KINH TẾ DUYÊN HẢI (COFIDEC)	10.154
5	CÔNG TY CP VIÊN SƠN	5.145
6	CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐÀ LẠT - NHẬT BẢN	4.803
7	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA	3.817
8	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỰC PHẨM ASUZAC	3.811
9	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HATCHANDO VIỆT NAM	3.554
10	CÔNG TY TNHH APOLLO	2.909

Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ mang tính tham khảo



## BÀ RỊA - VŨNG TÀU XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NÔNG, THỦY SẢN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VÀO SẢN XUẤT



Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc vùng Đông Nam Bộ, nằm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Nam. Bà Rịa - Vũng Tàu là một trong những địa phương của Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nghề nuôi trồng thủy sản. Nhiều mô hình nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao được người nông dân trong tỉnh áp dụng thành công mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đây cũng là định hướng phát triển của ngành nông nghiệp tỉnh trong thời gian tới.

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có khoảng 6.300 ha diện tích nuôi trồng thủy sản. Để nghề nuôi trồng thủy sản phát triển theo hướng bền vững trên quy mô lớn, đặc biệt là phát triển nuôi trên các vùng biển xa, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu khuyến khích người

dân chủ động ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất. Tỉnh chủ trương xây dựng các trung tâm nghiên cứu, sản xuất giống thủy hải sản trên địa bàn, đặc biệt việc ứng dụng công nghệ 4.0 giúp quản lý hiệu quả, giảm rủi ro, tăng năng suất, chất lượng, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và bền vững hơn.

Những năm gần đây, tỉnh cũng chú trọng phát triển các vùng nuôi tôm công nghiệp ở các huyện Đất Đỏ, thành phố Bà Rịa và nuôi lồng bè tại thành phố Vũng Tàu, thị xã Phú Mỹ. Hiện toàn tỉnh có khoảng 3.900 ha mặt nước đang nuôi các loại tôm sú, tôm thẻ chân trắng. Mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao đang được nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân trên địa bàn tỉnh mạnh dạn đầu tư phát triển mở rộng diện tích. Tỷ lệ nuôi tôm thành công hơn đến 90%

và hiệu quả kinh tế cao gấp nhiều lần so với nuôi tôm trong ao đất. Nuôi trồng thủy sản được xác định là hướng phát triển bền vững của Bà Rịa - Vũng Tàu. Đây chính là động lực cho phát triển kinh tế địa phương, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Trái cây là một trong những nông sản chủ lực của tỉnh (với diện tích hơn 8.600 ha trồng cây ăn trái), với nhiều loại nổi tiếng, có thương hiệu như: Nhãn xoong cơm vàng, nhãn bắp cải, măng cầu ta, bưởi da xanh Sông Xoài, bơ Thái Dương, bơ Quốc Minh ... Trong những năm gần đây, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng và phát triển các sản phẩm chứng nhận nhãn hiệu như: sản phẩm Bưởi da xanh Sông Xoài, Nhãn xoong cơm vàng, Măng cầu ta... Việc phát triển thương hiệu đã giúp cho việc tiêu thụ, quảng bá, giá cả tăng và được thuận lợi.

Những sản phẩm có thương hiệu được tỉnh ưu tiên xây dựng, phát triển và quảng bá thương hiệu trong giai đoạn 2014 - 2020 nhằm nâng cao nhận thức cho các cá nhân, tổ chức về sở hữu trí tuệ và phát triển thương hiệu nông sản đặc sản của địa phương.

Năm 2019, "Muối Bà Rịa" được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý. Năm 2018, nghề muối huyện Long Điền đã được UBND tỉnh công nhận là nghề truyền thống. Điểm đặc trưng rất riêng biệt làm nên thương hiệu của hạt muối Bà Rịa - Vũng Tàu là muối được dùng để chế biến các thương hiệu nước mắm nổi tiếng ở huyện đảo Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang). Hiện nay, nước mắm Phú Quốc đã có mặt tại thị trường EU và nhiều quốc gia có người Việt Nam sinh sống và làm việc.

Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm"(OCOP) trên địa bàn tỉnh đang hướng đến việc tạo ra những sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, có thương hiệu, đáp ứng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, đồng thời nâng cao thu nhập cho

người dân. Qua 2 năm triển khai chương trình OCOP, đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 48 cơ sở đủ điều kiện tham gia chương trình với hơn 100 sản phẩm. Các sản phẩm này đã được các cơ quan chuyên môn hướng dẫn xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chứng nhận bảo đảm chất lượng an toàn thực phẩm (ATTP). Trong đó đã có 17 sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu được Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tổ chức đánh giá chất lượng trong năm 2019.

#### *Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất:*

Toàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hiện có 61 cơ sở sản xuất trồng trọt ứng dụng công nghệ cao với diện tích 2.819 ha... sản lượng mỗi năm ước đạt 37.906 tấn. Trong lĩnh vực chăn nuôi, hiện có 131 trang trại chăn nuôi lợn, gia cầm đầu tư ứng dụng công nghệ cao, chiếm 27,5% tổng đàn chăn nuôi gia cầm và 59,3% tổng đàn chăn nuôi lợn. Lĩnh vực thủy sản có 17 cơ sở nuôi trồng thủy sản và sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao với diện tích 391 ha, trong đó đang sản xuất 222 ha, sản lượng ước đạt 1.821 tấn/năm và 4,8 tỷ con giống/năm.

Ngoài ra, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cũng đang thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, đã hình thành được các mối liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân thông qua các mô hình tiêu chuẩn VietGAP, SAN/GlobalGAP...

Để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã xây dựng Đề án 04/ĐA-TU về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Mục tiêu của Đề án là xây dựng, đưa vào hoạt động bảy vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tăng giá trị sản xuất và thu nhập trên một đơn vị diện tích đất sản xuất nông nghiệp đến năm 2020 gấp 1,3 lần.

Đồng thời, tăng chất lượng sản phẩm nông nghiệp sạch được chứng nhận an toàn, chứng nhận VietGAP, sản phẩm

nông nghiệp hữu cơ. Đề án nông nghiệp của tỉnh phát triển theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao, với mức tăng trưởng hằng năm 4,5%; sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm 30% giá trị sản xuất nông nghiệp; đến năm 2025 chiếm 40% giá trị sản xuất nông nghiệp...

Việc phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh bước đầu đạt được nhiều kết quả nhất định. Tuy nhiên, tỷ lệ ứng dụng công nghệ cao còn thấp, mới ứng dụng từng phần, chưa đồng bộ thành một hệ thống, chưa phát triển quy mô lớn thành từng vùng. Thực tế, những dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thường có quy mô nhỏ, diện tích trung bình từ 1 đến 5 ha. Với mục tiêu trở thành một trong những trung tâm nông nghiệp công nghệ cao của cả nước, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu dành 4.000 ha đất tại các huyện

Châu Đức, Xuyên Mộc, Đất Đỏ và thị xã Phú Mỹ để kêu gọi doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Tỉnh phấn đấu đến năm 2030 tăng tổng sản phẩm sản xuất nông nghiệp và thu nhập trên đơn vị diện tích đất sản xuất nông nghiệp lên gấp 2,0 lần so với hiện nay; có 50% sản phẩm tiêu thụ thông qua hợp đồng; tỷ lệ nông sản của tỉnh đạt tiêu chuẩn thế giới ít nhất 50%... trong thời gian tới, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sẽ đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tăng cường công tác phòng trừ dịch hại để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, góp phần đảm bảo an ninh lương thực; tiếp tục phát triển các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn có hiệu quả và sức cạnh tranh cao; đẩy mạnh cơ giới hóa, chế biến bảo quản theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường bền vững.

## HÀ NỘI TĂNG CƯỜNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VỚI 630 SẢN PHẨM OCOP

**N**gày 25/12/2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội tổ chức hội nghị tổng kết thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2020. Đến nay, Hà Nội đã đánh giá, phân hạng và quyết định công nhận được 630 sản phẩm OCOP của 50 doanh nghiệp, 57 hợp tác xã và 52 hộ sản xuất kinh doanh; giải quyết được trên 3.000 lao động khu vực nông thôn. Trong đó có 467 sản phẩm thực phẩm chiếm 74,1%; đồ uống 19 sản phẩm chiếm 3%; thảo dược 5 sản phẩm chiếm 0,8%; vải, may mặc 24 sản phẩm chiếm 3,8%; sản phẩm lưu niệm, nội thất và trang trí chiếm 18,3% với 115 sản phẩm.

Hà Nội đã tổ chức 4 sự kiện giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP gắn với văn hóa vùng miền; đưa vào hoạt động 13 điểm giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP.

Theo đó, hàng nghìn sản phẩm tiềm năng tham gia Chương trình OCOP, sản phẩm đặc sản vùng miền được trưng bày, quảng bá giới thiệu đến người tiêu dùng Thủ đô và nhân dân cả nước. Hàng trăm hợp đồng, biên bản ghi nhớ hợp tác giao thương, tiêu thụ sản phẩm đã được ký kết. Đồng thời, giúp người tiêu dùng nhận diện thương hiệu sản phẩm OCOP, sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm...

Thời gian tới, thành phố Hà Nội sẽ tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, đưa sản phẩm OCOP, đặc sản vùng miền của Hà Nội và cả nước vào hệ thống siêu thị, cửa hàng kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn, cửa hàng kinh doanh đồ thủ công mỹ nghệ, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, sàn giao dịch điện tử... và xuất khẩu. Đưa sản phẩm OCOP trở thành thương hiệu mạnh được đồng đảo người tiêu dùng trong nước và quốc tế quan tâm, đón nhận và sử dụng.



## THỪA THIÊN – HUẾ CÔNG NHẬN 17 SẢN PHẨM OCOP

Đến nay, UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế đã có quyết định phê duyệt, công nhận cho 17 sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) cấp tỉnh. Theo đó, có 4 sản phẩm đạt hạng 4 sao gồm: Bộ sản phẩm đèn trang trí, rổ, rá của Hợp tác xã Mây tre đan Bao La; Trà rau má Quảng Thọ của Hợp tác xã nông nghiệp Quảng Thọ II; Khăn choàng dệt Nhâm của Hợp tác xã Thổ cẩm xã Nhâm; Gạo hữu cơ An Lỗ.

Có 13 sản phẩm đạt hạng 3 sao gồm: Gạo Phú Hồ của Hợp tác xã nông nghiệp Phú Hồ; mật ong ruồi Nam Đông của hộ kinh doanh Diệp Minh Khanh; nước mắm cá Như Ý của hộ kinh doanh cơ sở Như Ý; gạo thơm Thủy Thanh; tinh dầu trầm Trường Hải; mắm nêm cá cơm Mệ Em; nước mắm cá cơm Xuân Anh; nước mắm

ruốc Làng Trại; nước ớt Vinh Xuân; nước mắm ruốc Hương Giang; Rượu Tà Rưng Mảo; rượu Ô Lâu; Bưởi cốm Hương Thọ.

Thống kê trong giai đoạn 2019 - 2020, tỉnh Thừa Thiên – Huế có 34 chủ thể đăng ký tham gia chương trình với 36 sản phẩm. Hầu hết là các sản phẩm đã có, được hỗ trợ các dự án chuẩn hóa và hoàn thiện sản phẩm theo tiêu chí sản phẩm OCOP.

Các nhóm sản phẩm đều thuộc các ngành thực phẩm, đồ uống, thảo dược, thủ công mỹ nghệ trang trí, vải, may mặc. 100% các sản phẩm đã được đánh giá, phân hạng tại cấp huyện, cấp tỉnh. Đây là những sản phẩm chủ lực của địa phương cấp xã, mang đặc trưng khác biệt, có tính truyền thống tại địa phương và có khả năng phát triển thành hàng hóa.

## XÚC TIẾN QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU SẢN PHẨM OCOP GIA LAI

Ngày 22/12/2020, Sở Công Thương tỉnh Gia Lai phối hợp với Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) khai mạc Hội chợ triển lãm thương mại và giới thiệu sản phẩm OCOP (Chương trình Mỗi xã một sản phẩm) Gia Lai năm 2020 thu hút sự tham gia của hơn 150 doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế.

Sự kiện này nằm trong khuôn khổ chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại năm 2020, nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại và xúc tiến đầu tư. Qua đó, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh, quảng bá thương hiệu sản phẩm của các địa phương, doanh nghiệp với nhà đầu tư – xúc tiến thương mại và du khách đến với Gia Lai. Đây cũng là dịp để các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm đối tác và mở rộng thị trường tiêu thụ, kích cầu tiêu dùng nhằm vượt qua khó khăn của đại dịch COVID-19. Đồng thời, giúp các cơ sở, doanh nghiệp giao lưu, học hỏi kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh, đầu tư, mở rộng sản xuất; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Hội chợ tập trung triển lãm các gian hàng trưng bày và giới thiệu sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm làng nghề, giới thiệu thành tựu kinh tế thương mại của tỉnh Gia Lai và các tỉnh, thành trên cả nước.

Có 250 gian hàng của 150 đơn vị tham gia; trong đó, 55 gian hàng của 16 doanh nghiệp ngoại tỉnh; 75 gian hàng của 29 doanh nghiệp trong tỉnh; 43 gian hàng của Trung tâm xúc tiến thương mại đến từ 15 tỉnh, thành; 25 gian hàng của 6 huyện thuộc tỉnh Gia Lai. Đặc biệt, Hội chợ triển lãm lần này có 27 gian hàng giới thiệu, quảng bá các sản phẩm OCOP.



## MỜI THAM DỰ TỌA ĐÀM TRỰC TUYẾN VỀ THỊ TRƯỜNG BỜ BIỂN NGÀ

Với mong muốn góp phần thúc đẩy xuất nhập khẩu và khai thác tốt thị trường, Thương vụ Đại sứ quán Việt Nam tại Ma-rốc kiêm nhiệm Bờ Biển Ngà tổ chức và mời các doanh nghiệp quan tâm tham dự cuộc Tọa đàm trực tuyến về thị trường Bờ Biển Ngà.

Bờ Biển Ngà là quốc gia có nền kinh tế xã hội tương đối ổn định, được đánh giá là thị trường tiềm năng tại khu vực Tây Phi với vị trí địa chính trị, địa kinh tế và điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế.

Trong những năm qua, quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước đã có những bước tiến tích cực. Kim ngạch hai chiều đạt tăng trưởng tốt. Nhiều sản phẩm của Việt Nam đã có mặt và thâm nhập thị trường Bờ Biển Ngà, đáp ứng tốt thị hiếu người tiêu dùng.

Tên gọi: Tọa đàm trực tuyến về thị trường Bờ Biển Ngà.

Hình thức và địa điểm: Trực tuyến, trên nền tảng ZOOM hoặc SKYPE.

Thời gian: 15h00, Thứ ba, ngày 5/01/2021 (Theo giờ Việt Nam). Thời lượng dự kiến: 2 tiếng.

Số lượng tham dự: Tối đa 40 doanh nghiệp.

Chi phí: Miễn phí.

Đăng ký tham dự theo đường link:

[https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSeqpmh1UQM0AFg7iGQEJnSCCgPkD0dqBYSa1MNBbdwBrvBqbQ/viewform?usp=sf\\_link](https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSeqpmh1UQM0AFg7iGQEJnSCCgPkD0dqBYSa1MNBbdwBrvBqbQ/viewform?usp=sf_link)

(Thông báo này thay cho Giấy mời)

## GIAO THƯƠNG

### DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN CẦN NHẬP KHẨU CÁ CHUỒN KHÔ

Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản có thông tin từ khách hàng Nhật Bản cần tìm doanh nghiệp Việt Nam về chế biến xuất khẩu cá chuồn khô (tên tiếng Nhật: Tobiuo).

Doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cá chuồn khô quan tâm đến việc này, đề nghị liên hệ với đầu mối của Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản theo Email: [jp@moit.gov.vn](mailto:jp@moit.gov.vn)

Company Profile (hồ sơ doanh nghiệp bằng tiếng Anh hoặc tiếng Nhật)

2. Hình ảnh sản phẩm mẫu
3. Bao bì, đóng gói
4. Năng lực xuất khẩu
5. Đầu mối liên hệ: Tên người phụ trách, Tel, Fax, Email, số di động



## HÀNG HÓA NHẬP KHẨU ĐỂ SẢN XUẤT XUẤT KHẨU SẼ ĐƯỢC MIỄN THUẾ

**N**gày 12/12/2020, Chính phủ ra Nghị quyết về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11/2020. Trong đó, Chính phủ thống nhất đề nghị của Bộ Tài chính về việc hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu sẽ được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Khoản 7 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13.

Cụ thể, việc miễn thuế áp dụng với hàng hóa mà doanh nghiệp đưa một phần nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để thuê doanh nghiệp khác gia công hoặc thuê doanh nghiệp khác gia công một hoặc một số công đoạn của sản phẩm và đã nhận lại bán thành phẩm để tiếp tục sản xuất xuất khẩu hoặc nhận lại thành phẩm để xuất khẩu toàn bộ ra nước ngoài.

Chính phủ giao Bộ Tài chính chỉ đạo cơ quan hải quan hoàn trả số tiền thuế ấn định mà doanh nghiệp đã nộp theo quy định, không truy thu thuế đối với các trường hợp chưa nộp tiền thuế ấn định.

Đồng thời có biện pháp quản lý chặt chẽ, không để xảy ra tình trạng lợi dụng, trục lợi chính sách; khẩn trương rà soát, bổ sung nội dung này vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, báo cáo Chính phủ, Chủ trì, phối hợp các bộ, ngành, địa phương tạo điều kiện cho sản xuất, kinh doanh. Ngoài ra có biện pháp quản lý chặt chẽ, chính xác, kiểm tra sau thông quan việc nhập khẩu hàng hóa để sản xuất xuất khẩu theo quy định của pháp luật.

## TRUNG QUỐC ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH THUẾ CỦA GẦN 900 MẶT HÀNG NHẬP KHẨU

**B**ộ Tài chính Trung Quốc xác nhận sẽ giảm thuế đối với một số mặt hàng thiết bị hàng không, gỗ tròn và giấy từ ngày 1/1/2021 và một số sản phẩm công nghệ thông tin từ ngày 7/1/2021.

Trung Quốc sẽ áp dụng mức thuế tạm thời thấp hơn đối với 883 mặt hàng nhập khẩu từ một số nước, trong đó có thiết bị hàng không, gỗ tròn, giấy và các sản phẩm công nghệ thông tin.

Theo thông tư do Ủy ban Thuế vụ thuộc Quốc vụ viện Trung Quốc ban hành, việc điều chỉnh thuế quan này nhằm cải thiện chất lượng nguồn cung và thúc đẩy chu kỳ kinh tế thuận lợi.

Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng giảm thuế đối với một số mặt hàng nickel phi hợp kim và niobi kim loại hiếm vào năm 2021 nhằm khuyến khích nhập khẩu thêm các mặt hàng có nhu cầu cao ở trong nước.

## KHÁNH THÀNH NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỊT GÀ LỚN NHẤT ĐÔNG NAM Á Ở BÌNH PHƯỚC

**N**gày 23/12/2020, tại Khu công nghiệp Becamex ở huyện Chợ Thành, tỉnh Bình Phước đã diễn ra hội nghị xúc tiến đầu tư và khánh thành tổ hợp nhà máy CPV Food. Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình cùng lãnh đạo nhiều bộ, ngành; tổng lãnh sự, tham tán thương mại các nước; lãnh đạo các địa phương Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và nhiều doanh nghiệp, nhà đầu

tư... đã tham dự sự kiện này.

Tổ hợp nhà máy chế biến nêu trên được xây dựng trên diện tích hơn 10 ha, với tổng vốn đầu tư trên 250 triệu USD, có quy mô hiện đại và lớn nhất khu vực Đông Nam Á. Tổ hợp nhà máy nằm trong chuỗi hoạt động sản xuất chăn nuôi khép kín từ trang trại đến chế biến và đưa sản phẩm tới bàn ăn người tiêu dùng.



## GIÁ NHIỀU MẶT HÀNG NÔNG SẢN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI TĂNG TRONG THÁNG 12/2020



**T**rong tháng 12/2020, giá các mặt hàng nông sản thế giới tăng do triển vọng lạc quan khi vắc xin ngừa Covid-19 được phê duyệt ở nhiều quốc gia, trong khi hoạt động thương mại hàng hóa trên toàn cầu gặp khó khăn do tình trạng thiếu container.

Tại Mỹ, giá đậu tương kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Chicago tăng lên mức cao nhất trong hơn 6 năm do lo ngại về sản lượng của Nam Mỹ, đạt 1.270 UScent/bushel trong phiên giao dịch ngày 28/12/2020, giảm 7,3% so với tháng 11/2020 và tăng tới 34,5% so với đầu năm nay. Các chuyến hàng bột đậu tương đang bị cản trở do các cuộc đình công để phản đối việc đàm phán tiền lương bị đình trệ tại các cảng của Argentina. Trong khi đó, doanh số xuất khẩu đậu tương của Mỹ giảm xuống mức thấp nhất trong năm 2020 là 352.800 tấn, được giao dịch vào ngày 17/12/2020, giảm 62% so với tuần trước và giảm 47% so với mức trung bình 4 tuần trước đó và thấp hơn nhiều so với dự báo là 550.000 - 800.000 tấn.

Giá ngô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn Chicago cũng tăng 6,3% so với cuối tháng 11/2020 và tăng 17,3% so với đầu năm 2020, giao dịch ở mức 454,3 UScent/bushel. Giá lúa mì kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn Chicago cũng tăng 5,4% so với cuối tháng 11/2020 và tăng 11,5% so với đầu năm 2020.

Giá đường thô cũng tăng trước kỳ nghỉ Lễ năm mới, hợp đồng kỳ hạn tháng 3/2021 đóng cửa phiên giao dịch ngày 28/12/2020 tăng 0,9% so với cuối tháng 11/2020 và tăng 5,9% so với đầu năm 2020, đạt 14,9 UScent/lb - mức cao nhất hai tuần qua.

Trên thị trường cà phê, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2021 tăng 7,5% trong tháng 12/2020, đạt 126 UScent/lb. Nhà xuất khẩu cà phê hàng đầu thế giới, Braxin, đối mặt với khả năng mất mùa trong niên vụ 2021. Ngược lại, giá cà phê Robusta giảm 5,5% so với cuối tháng 11/2020, đạt 1.369 USD/tấn. Thị trường cà phê Robusta chịu áp lực giảm do nguồn cung tăng khi Việt Nam – nhà xuất khẩu cà phê Robusta lớn nhất thế giới đang trong vụ thu hoạch. Mặc dù có những biến động trái chiều trong tháng 12/2020 nhưng hiện giá cà phê Robusta và Arabica vẫn cao hơn 5,9% - 6,4% so với đầu năm 2020. Áp lực bán hàng vụ mới từ các nhà sản xuất, kỳ nghỉ Lễ Giáng sinh và Tết dương lịch năm 2021, lo ngại tiêu thụ toàn cầu sụt giảm vì dịch bệnh Covid-19 đang là các yếu tố cơ bản chi phối thị trường cà phê.

Giá cao su RSS3 tại Nhật Bản đóng cửa phiên ngày 28/12 giảm 3,7% so với cuối tháng 11/2020. Thị trường trầm lắng khi nhiều nhà đầu tư bước vào kỳ nghỉ lễ Giáng sinh và năm mới. Đồng thời đã xảy ra tình trạng chậm giao hàng do hiếm container dù sản lượng tăng tại Đông Nam Á, điều này có thể đưa giá cao su tăng trở lại trong một vài tuần tới.

Trên thị trường gạo châu Á, giá gạo tại Thái Lan và Ấn Độ tiếp tục xu hướng tăng trong tháng 12/2020. Đặc biệt, giá gạo trắng 5% tằm tiêu chuẩn của Thái Lan đã tăng 35 USD/tấn so với cuối tháng 11/2020

lên mức 516- 520 USD/tấn, mức cao nhất kể từ ngày 11/6/2020. Nhu cầu vẫn trầm lắng nhưng nguồn cung giảm đã hỗ trợ giá và thị trường kỳ vọng nhu cầu mua sẽ xuất hiện từ Nhật Bản trong thời gian tới.

Giá gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ cũng tăng 8 USD/tấn lên 381- 387 USD/tấn tính đến ngày 28/12/2020 do nhu cầu

tốt từ Bangladesh và các nước châu Phi. Nhu cầu ở mức cao, nhưng các chuyến hàng đang bị trì hoãn do tắc nghẽn tại các cảng. Bangladesh đang hoàn tất việc mua 150.000 tấn gạo từ NAFED của Ấn Độ. Đây sẽ là thỏa thuận đầu tiên trong ba năm sau khi lũ lụt ở Bangladesh khiến giá gạo nội địa lên mức cao kỷ lục.

### Tham khảo giá một số nông sản thế giới ngày 28/12/2020

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 28/12/2020	So với ngày 14/12/2020 (%)	So với ngày 26/11/2020 (%)	So với đầu năm 2020 (%)
Ngô CBOT	UScent/bushel	454,3	7,3	6,3	17,3
Lúa mì CBOT	UScent/bushel	628,8	4,7	5,4	11,5
Lúa mạch	UScent/bushel	338,3	-1,2	12,7	10,1
Đậu tương	UScent/bushel	1.270,0	8,6	7,3	34,5
Khô đậu tương	USD/tấn	418,5	10,2	5,7	37,8
Dầu đậu tương	UScent/bushel	41,0	6,3	8,2	19,5
Hạt cải	CAD/tấn	628,4	6,9	8,9	30,0
Ca cao	USD/tấn	2.593,0	0,3	-4,8	0,2
Đường thô	UScent/lb	14,9	4,4	0,9	5,9
Nước cam	UScent/lb	121,7	6,0	-4,4	25,3
Cà phê Robusta	USD/tấn	1.369,0	2,5	-5,5	6,4
Cà phê Arabica	UScent/lb	126,0	2,6	7,5	5,9
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	783,8	-1,4	27,0	88,3
Gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ	USD/tấn	387,0	1,0	4,6	5,7
Gạo trắng 5% tấm Thái Lan	USD/tấn	520,0	0,8	7,2	19,5
Cao su Toccom	JPY/kg	152,9	-3,4	-3,7	-24,1

*Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp*

## NHIỀU MẶT HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN CÓ TRIỂN VỌNG XUẤT KHẨU TỐT SANG THỊ TRƯỜNG CANADA

Theo tính toán từ dữ liệu của Cơ quan Thống kê Canada, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Canada 10 tháng năm 2020 đạt 23,489 tỷ USD, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Canada trong 10 tháng năm 2020 giảm là do nhập khẩu giảm ở các chủng loại: Rau, củ, giảm 1,2%; gỗ nguyên liệu giảm 8,6%; sản phẩm chế biến từ rau, quả, giảm 2,5%; thủy sản chưa qua chế biến giảm 12,5%; các loại đồ uống như cà phê, chè thô giảm lần lượt là 1,3% và 14,6%... Trái lại, nhập khẩu vẫn tăng ở một số chủng loại như: Thịt và phụ phẩm dạng thịt tăng

18,5%; ca cao và sản phẩm ca cao tăng 4,6%; thủy sản chế biến tăng 2,8%; gạo tăng 10,9%; sản phẩm đồ uống đã qua chế biến (chè, cà phê) tăng 4,9%; các sản phẩm xay xát, malt, tinh bột, inulin, gluten lúa mì tăng 10,2%...



## Một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Canada trong 10 tháng năm 2020

Mặt hàng	Canada nhập khẩu từ thế giới (triệu USD)		So sánh (%)	Thị phần hàng Việt Nam tại Canada (%)	
	10 tháng năm 2020	10 tháng năm 2019		10 tháng năm 2020	10 tháng năm 2019
<b>Tổng</b>	<b>23.489</b>	<b>24.081</b>	<b>-2,5</b>	<b>2,289</b>	<b>2,169</b>
Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dứa	4.135	4.001	3,3	1,795	2,087
Hạt điều	77	102	-24,3	77,980	69,930
Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được	2.744	2.777	-1,2	0,127	0,095
Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than củi	2.277	2.491	-8,6	0,662	0,466
Sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các Phần khác của cây	1.922	1.971	-2,5	1,244	1,131
Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ	1.812	1.529	18,5	0,028	0,118
Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	1.639	1.874	-12,5	7,727	6,986
Cacao và các sản phẩm chế biến từ cacao	1.345	1.286	4,6	0,007	0,016
Cà phê, chè và các loại gia vị	1.290	1.320	-2,3	2,536	2,298
Cà phê	994	1.007	-1,3	1,033	0,957
Chè	100	117	-14,6	0,139	0,161
Hạt tiêu	32	33	-3,2	51,903	46,695
Các sản phẩm chế biến từ thịt, cá, động vật giáp xác hay động vật thân mềm, hoặc động vật không xương sống sống dưới nước khác	1.165	1.226	-5,0	5,974	4,650
Thủy sản chế biến	517	503	2,8	13,453	11,324
Đồ nội thất bằng gỗ	987	1.086	-9,2	17,509	15,055
Ngũ cốc	841	867	-3,1	0,872	0,811
Gạo	374	338	10,9	1,952	2,082
Hạt và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác	786	874	-10,1	0,148	0,267
Cao su và các sản phẩm bằng cao su	571	811	-29,6	0,981	0,808
Sữa và các sản phẩm từ sữa; trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên	536	536	0,001	0,170	0,032
Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và các loại tương tự; cành hoa rời và các loại cành lá trang trí	346	376	-7,8	0,165	0,163
Động vật sống	334	341	-2,0	0,265	0,066
Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì	271	246	10,2	0,256	0,180
Chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc, từ cà phê, chè và các chế phẩm của chúng	181	173	4,9	0,621	0,486
Nhựa cánh kiến đỏ; gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết xuất từ thực vật khác	149	136	9,4	0,001	0,007
Các sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các chương khác	147	146	0,8	0,208	0,161
Nguyên liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	13	14	-11,6	0,411	0,360

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thống kê Canada



Trong 10 tháng năm 2020, Canada nhập khẩu chủ yếu hàng nông, lâm, thủy sản từ Mỹ, chiếm 51,1% tổng trị giá nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Canada, tiếp đến là thị trường Mexico, chiếm 6,9%; Trung Quốc chiếm 6,3%. Việt Nam là nguồn cung hàng nông, lâm, thủy sản lớn thứ 4 vào Canada, chiếm 2,3% tỷ trọng. Tuy vậy, ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản từ các thị trường nước ngoài vào Canada đa phần giảm so với cùng kỳ năm 2019, trong đó, nhập khẩu từ thị trường lớn nhất là Mỹ giảm 4%; Trung Quốc giảm 5,9%; Chile giảm 4,3%; Thái Lan giảm 13,2%; Braxin giảm 15%... Tuy vậy, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản từ hai nguồn cung là Mexico và Việt Nam vẫn tăng, với tốc độ tăng lần lượt là 2,2% và 2,9%.

Hiện các nguồn cung hàng nông, lâm, thủy sản vào Canada chủ yếu nhập khẩu từ các thị trường châu Mỹ khác, nơi có những điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý... Đối với các nguồn cung ngoài châu lục, hiện Trung Quốc và Việt Nam là hai nguồn cung chính. So với Trung Quốc, Việt Nam đang có nhiều lợi thế hơn khi Việt Nam và Canada cùng tham gia Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

Nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam đang chiếm tỷ trọng lớn tại Canada như hạt điều, hạt tiêu. Đáng chú ý, tỷ trọng hai mặt hàng này tại Canada đã tăng mạnh trong 10 tháng năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019, từ mức 69,9% và 46,7% lên 78% và 51,9%.

Ngoài ra, nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản thế mạnh của Việt Nam cũng đang tăng tỷ trọng tại Canada như thủy sản chế biến tăng tỷ trọng từ mức 11,3% của 10 tháng cùng kỳ năm 2019 lên 13,45% trong 10 tháng năm 2020; đồ nội thất bằng gỗ có tỷ trọng tăng từ 15,05% lên 17,5%.

***Nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam có triển vọng xuất khẩu tốt sang thị trường Canada***

Canada được coi là cửa ngõ vào thị trường toàn cầu nhờ khả năng tiếp cận thị trường ưu tiên thông qua 14 Hiệp định thương mại với 51 quốc gia và gần 1,5 tỷ người tiêu dùng, tổng GDP là 49,3 nghìn tỷ USD. Đây là dư địa lớn để các quốc gia và vùng lãnh thổ đẩy mạnh hoạt động thương mại với Canada.

Đối với Việt Nam, quan hệ thương mại giữa Việt Nam – Canada những năm gần đây có bước phát triển vượt bậc. Đặc biệt sau khi Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực ở cả Việt Nam và Canada. Hiện Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Canada trong ASEAN và Canada là đối tác thương mại lớn thứ ba của Việt Nam tại khu vực châu Mỹ.

Thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và Canada thời gian tới sẽ tiếp tục tăng trưởng bởi quy mô hàng hóa giữa hai quốc gia ngày càng lớn mạnh, nhu cầu xuất khẩu của mỗi quốc gia cũng ngày càng tăng. Do đó, cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa nói chung, hàng nông, lâm, thủy sản nói riêng của Việt Nam sang Canada thời gian tới sẽ tiếp tục tăng. Trong đó:

Đối với mặt hàng đồ nội thất: Canada là một thị trường lớn, mỗi năm nhập khẩu tới 15 tỷ USD đồ nội thất các loại. Với việc tham gia Hiệp định CPTPP, các sản phẩm đồ gỗ, nội ngoại thất của Việt Nam có thêm lợi thế cạnh tranh về giá tại thị trường Canada do được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi 0%, trong khi các mặt hàng tương tự từ Trung Quốc (đối thủ cạnh tranh trực tiếp và là nhà cung cấp đồ gỗ lớn nhất cho Canada hiện nay) phải chịu thuế từ 6 - 9%.

Tuy nhiên, đồ gỗ nội thất Việt Nam mới chỉ chiếm 17,5% tổng giá trị nhập khẩu đồ gỗ hàng năm của Canada. Như vậy, dư địa mở rộng thị phần sản phẩm gỗ và nội thất Việt Nam tại Canada vẫn còn rất lớn. Theo chuyên gia thương mại của Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO) cho biết, nhu cầu đồ gỗ, nội thất ở Canada dự

báo sẽ tiếp tục gia tăng và đặc biệt bùng nổ trong năm 2021, sau một thời gian dài người dân phải thực hiện chính sách giãn cách xã hội và làm việc tại nhà nhiều hơn.

Cơ cấu thị trường đồ gỗ Canada trong những năm tới được dự báo sẽ tập trung vào sản phẩm nội thất phòng khách và phòng ăn, chiếm khoảng 30%, nội thất phòng ngủ chiếm 21%, đồ gỗ nhà bếp chiếm 12%, ván sàn khoảng 10% và nội thất văn phòng chiếm 8%.

Nếu như năm 2019, doanh số bán đồ nội thất trực tuyến tại Canada mới đạt 6,6% thì 6 tháng đầu năm 2020, con số này đã tăng lên 16,4% và ước tính đến cuối năm 2020 sẽ đạt tới 30%. Không chỉ có các sàn thương mại điện tử mà ngay cả cửa hàng bán lẻ cũng khai thác nguồn khách hàng mua nội thất online trong mùa dịch.

Ngoài đồ nội thất gỗ, hàng thủy sản của Việt Nam cũng đang có tiềm năng rất lớn tại Canada, điều này thể hiện trong 10 tháng năm 2020, nhập khẩu hàng thủy sản vào Canada nói chung vào Canada giảm nhưng nhập khẩu từ Việt Nam vẫn tăng ở cả chủng loại thủy sản chế biến và chưa qua chế biến.

Riêng đối với mặt hàng tôm, Canada ngày càng tiêu thụ nhiều tôm nước ấm của các nước Đông Nam Á trong bối cảnh nguồn cung tôm nước lạnh sụt giảm. Theo một khảo sát mới đây, tôm chiếm 50% tổng kim ngạch các mặt hàng thủy sản được nhập khẩu vào Canada và xu hướng mua tôm về chế biến tại nhà của các hộ gia đình tại Canada ngày càng tăng. Những tháng đầu năm 2020, Canada cũng là một trong những nước phải chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, do đó, xu hướng mua tôm chế biến sẵn về nhà cũng khá phổ biến ở Canada.

---

## TIN VĂN

► Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 10 tháng năm 2020, nhập khẩu cao su (mã HS 4001, 4002, 4003, 4005) của nước này đạt 8,65 tỷ USD, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2019. Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 2 cho Trung Quốc, đạt 1,29 tỷ USD, tăng 14,2% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 14,9% thị phần, tăng so với mức 13,5% của 10 tháng năm 2019. Về cơ cấu mặt hàng, Trung Quốc nhập khẩu cao su tự nhiên (mã HS 4001) đạt 2,23 tỷ USD, giảm 19,6% so với cùng kỳ năm 2019. Việt Nam là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ 4, đạt 169,72 triệu USD, giảm 38,1% so với cùng kỳ năm 2019; Nhập khẩu hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (mã HS 400280) đạt 3,91 tỷ USD, tăng hơn 39% so với cùng kỳ năm 2019, Việt Nam chiếm 28,4% thị phần.

► Huyện Chợ Đồn là một trong những vựa lúa lớn nhất của tỉnh Bắc Kạn. Toàn huyện có khoảng 2.500 ha diện tích trồng lúa nước thì có đến 80% diện tích canh tác trồng giống lúa bao thai. Gạo bao thai

Chợ Đồn hạt tròn mẩy, thơm ngon, giàu dinh dưỡng, năm 2012 đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận nhãn hiệu tập thể. Đến năm 2018, sản phẩm gạo bao thai Chợ Đồn được lựa chọn tham gia Chương trình "Mỗi xã, phường một sản phẩm" và xếp hạng 3 sao OCOP cấp tỉnh. Với năng suất bình quân đạt 40 đến 45 tạ/ha, tổng sản lượng lúa bao thai toàn huyện đạt khoảng 9.500 tấn/năm.

► Vụ mùa 2020/21, huyện Cao Phong có trên 3.000 ha trồng cam các loại, trong đó, diện tích trồng cam kinh doanh vào khoảng 1.790 ha. Sản lượng dự kiến trong năm 2021 đạt trên 38.000 tấn. Cùng với các vùng sản xuất hàng hóa tập trung hình thành như: Bưởi đỏ Tân Lạc, bưởi diễm tại Lương Sơn và với 35 mô hình hợp tác xã chuyên sản xuất cây ăn quả có múi trong toàn tỉnh Hòa Bình thì vùng cam Cao Phong cũng đã và đang thực hiện rất tốt từ khâu tổ chức sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Tỉnh tiếp tục áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, các quy trình sản xuất hướng tới mục tiêu xuất khẩu cam Cao Phong ra thị trường thế giới.